

TỔNG HỢP
Kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả đánh giá, xếp loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động Sở Nội vụ năm 2024
(Từ tháng 12/2023-11/2024)

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
I	Ban Giám đốc		7150			92,19	
1	Vũ Văn Kiên	Giám đốc	3770	6B	2 sáng kiến CCS	91,42	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đánh giá, xếp loại
2	Cù Trọng Khang	Phó giám đốc	2211	4A, 8B	5 sáng kiến CCS	91	
3	Nguyễn Thị Tươi	Phó giám đốc	2706	6A, 6B	12 sáng kiến CCS	93,38	
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	Phó giám đốc	2215	5A, 7B	11 sáng kiến CCS; 2 sáng kiến cấp tỉnh	92,96	
II	Phòng CCHC-VTLT		295	2A, 10B	2 đổi mới, sáng tạo; 4 sáng kiến CCS; 2 sáng kiến cấp tỉnh	89,79	A
1	Hoàng Xuân Chính	Trưởng phòng	17	12B	1 sáng kiến cấp CS	87,42	B
2	Trần Anh Dũng	Phó trưởng phòng	58	5A, 7B	1 sáng kiến cấp CS; 1 sáng kiến cấp tỉnh	90,46	A
3	Đoàn Minh Sang	Chuyên viên	53	5A, 7B	1 sáng kiến cấp CS; 1 sáng kiến cấp tỉnh	90,54	A

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
4	Trần Thị Hồng Anh	Chuyên viên	71	4A, 8B	1 sáng kiến cấp CS	89,71	B
5	Nguyễn Kim Tuyến	Chuyên viên	61	2A, 8B	2 đổi mới, sáng tạo; 3 sáng kiến CCS	89,8	B
6	Trần Thị Lan Phương	Chuyên viên	87	5A, 7B	2 đổi mới, sáng tạo; 4 sáng kiến CCS	90,79	A
III	Văn phòng Sở		644	2A, 10B	5 đổi mới, sáng tạo; 5 sáng kiến CCS	89,23	A
1	Vũ Quốc Khánh	Chánh Văn phòng	143	4A, 8B	1 đổi mới, sáng tạo; 2 sáng kiến CCS	90,92	A
2	Nguyễn Bá Hoàng	Phó chánh Văn phòng	219	3A, 9B	2 đổi mới, sáng tạo; 1 sáng kiến CCS	90,83	A
3	Chu Bình Mích	Chuyên viên	129	2A, 10B	1 sáng kiến CCS	88,58	B
4	Mai Hồng Quân	Chuyên viên	59	2A, 10B	2 đổi mới, sáng tạo; 2 sáng kiến CCS	85,17	B
5	Vũ Thị Sang	Cán sự	Tiếp nhận xử lý 14.820 VB đến, phát hành 5.847 VB đi; thủ quỹ; lưu trữ cơ quan	4A, 8B	1 sáng kiến CCS	90,5	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
6	Lê Xuân Tình	Nhân viên	Đưa đón Lãnh đạo Sở an toàn, đúng giờ tổng số 331 cuộc	1A, 11B		87,7	B
7	Quách Hồng Thuận	Nhân viên	Đưa đón Lãnh đạo Sở an toàn, đúng giờ tổng số 119 cuộc	1A, 5B		86,55	B
8	Hoàng Thị Thanh Mai	Nhân viên	Chuẩn bị điều kiện phục vụ 31 cuộc họp, phục vụ 02 phòng làm việc lãnh đạo Sở	1A, 11B		87,04	B
9	Lê Thị Thu Hà	Nhân viên	Chuẩn bị điều kiện phục vụ 218 cuộc họp, phục vụ 02 phòng làm việc lãnh đạo Sở	1A, 11B		87,65	B
IV	Thanh tra Sở		597	2A, 10B	4 đổi mới, sáng tạo; 4 sáng kiến CCS	88,7	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
1	Lương Thị Phương Chi	Chánh Thanh tra	126	3A, 9B	2 đổi mới, sáng tạo; 3 sáng kiến CCS	91,25	B
2	Hoàng Minh Hiền	Phó Chánh Thanh tra	53	1A, 11B	1 sáng kiến CCS	90,67	B
3	Phan Thu Trang	Thanh tra viên	133	5A, 7B	1 đổi mới, sáng tạo; 2 sáng kiến CCS	90,92	A
4	Bùi Trung Kiên	Thanh tra viên	173	1A, 11B		86	B
5	Hoàng Thị Thuỳ Dung	Chuyên viên	96	2A, 10B		90,83	B
V	Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo		650	2A, 10B	2 đổi mới, sáng tạo; 3 sáng kiến CCS	90,04	B
1	Trần Thị Lý	Trưởng phòng	76	2A, 10B	1 đổi mới, sáng tạo; 3 sáng kiến CCS	90,83	B
2	Mai Thị Hồng Huệ	Phó trưởng phòng	116	4A, 8B		89,42	B
3	Vũ Thị Tân	Chuyên viên	107	4A, 8B	1 đổi mới, sáng tạo; 2 sáng kiến CCS	90,08	B
4	Nguyễn Văn Bằng	Chuyên viên	104	4A, 8B	2 sáng kiến CCS	89,83	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
5	Phạm Thu Huyền	Chuyên viên	196	4A, 8B	1 sáng kiến CCS	90,08	B
VI	Ban Thi đua Khen thưởng		1295	5A, 7B	6 đổi mới, sáng tạo; 11 sáng kiến CCS	89,81	B
1	Nguyễn Đình Tuệ	Trưởng ban	75	5A, 7B	2 đổi mới, sáng tạo; 8 sáng kiến CCS	91,75	B
2	Đỗ Thị Yên	Phó trưởng ban	157	4A, 8B	1 đổi mới, sáng tạo; 3 sáng kiến CCS	89,54	B
3	Quách Thị Lan Phương	Phó trưởng ban	96	5A, 7B	2 đổi mới, sáng tạo; 2 sáng kiến CCS	90,13	A
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	Chuyên viên	65	1A, 11B		88,58	B
5	Vũ Xuân Hanh	Chuyên viên	235	4A, 8B	2 sáng kiến CCS	90,13	B
6	Phạm Thị Huyền	Chuyên viên	171	3A, 9B	1 đổi mới, sáng tạo; 4 sáng kiến CCS	89,50	B
7	Phạm Minh Châu	Chuyên viên	91	4A, 8B	1 sáng kiến CCS	89,46	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
8	Đoàn Thu Trang	Chuyên viên	140	5A, 7B	2 sáng kiến CCS	90,33	B
9	Vũ Thị Hoi	Chuyên viên	157	8A, 4B		90,54	B
10	Nguyễn Thị Hương	Chuyên viên	87	4A, 8B		88,17	B
11	Đỗ Ngọc Phú	Nhân viên lái xe	21	2A, 10B		87,38	B
VII	Phòng Tổ chức, biên chế		1012	2A, 10B	4 đổi mới, sáng tạo; 6 sáng kiến CCS	89,25	B
1	Bùi Xuân Hiếu	Trưởng phòng	28	2A, 10B	4 sáng kiến CCS	89,46	B
2	Nguyễn Anh Tuấn	Phó trưởng phòng	13	1A, 11B		83,92	B
3	Đào Thị Thu Trang	Phó trưởng phòng	151	4A, 8B	1 đổi mới, sáng tạo; 4 sáng kiến CCS	89,96	B
4	Đỗ Thị Phương	Chuyên viên	12	4A, 8B		89,04	B
5	Nguyễn Thị Anh	Chuyên viên	146	4A, 8B	1 sáng kiến CCS	89,13	B
6	Nguyễn Thị Luyến	Chuyên viên	207	5A, 7B	1 đổi mới, sáng tạo; 2 sáng kiến CCS	90,33	A

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
7	Mai Quỳnh Nga	Chuyên viên	160	4A, 8B	1 đổi mới, sáng tạo; 4 sáng kiến CCS	90,13	A
8	Hoàng Thị Bích Ngọc	Chuyên viên	174	4A, 8B	1 sáng kiến CCS	89,33	B
9	Lê Thị Yến	Chuyên viên	121	4A, 8B		89,46	B
VIII	Phòng Xây dựng chính quyền		791	12B	3 đổi mới, sáng tạo; 8 sáng kiến CCS	88,61	B
1	Trần Hưng	Trưởng phòng	26	11B, 1C	1 sáng kiến CCS	85,25	B
2	Vũ Thị Duyên	Phó trưởng phòng	171	4A, 8B	2 đổi mới, sáng tạo; 5 sáng kiến CCS	89,17	B
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Chuyên viên	107	3A, 9B	1 sáng kiến CCS	88,63	B
4	Vương Thị Ngọc	Chuyên viên	117	3A, 9B	3 sáng kiến CCS	89,67	B
5	Phan Thị Diễm	Chuyên viên	167	5A, 7B	1 đổi mới, sáng tạo; 3 sáng kiến CCS	90,29	A
6	Vũ Thị Thanh Hương	Chuyên viên	50	1A, 5B	2 sáng kiến CCS	87,5	B
7	Lê Thị Hải Anh	Chuyên viên	122	3A, 9B	2 sáng kiến CCS	89,79	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
IX	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		585	12B	1 sáng kiến CCS	87,24	B
1	Trương Văn Toàn	Giám đốc	15	12B		89,57	B
2	Bùi Thị Thu Hà	Phó giám đốc	29	12B	1 sáng kiến CCS	87,92	B
3	Đinh Thị Ngọc Tân	Phó giám đốc	53	12B		89,42	B
	Phòng HC-TH		258	12B			B
4	Nguyễn Viết Hòa	Lưu trữ viên	121	4A,8B	1 sáng kiến CCS	89,88	B
5	Đinh Thị Thùy Giang	Lưu trữ viên	53	12B		80,5	B
6	Nguyễn Trường Thịnh	Lưu trữ viên	35	1A,11B		81,63	B
7	Đoàn Thị Trà Giang	Lưu trữ viên	49	1A,11B		83.38	B
8	Đỗ Văn Tiến	Nhân viên	Đưa đón Lãnh đạo Trung tâm an toàn, đúng giờ	12B		80,33	B
9	Nguyễn Thị Dinh	Nhân viên	Chuẩn bị điều kiện, phục vụ 22	12B		83,21	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
			cuộc họp, dọn dẹp, vệ sinh 01 phòng làm việc lãnh đạo, hành lang, Kho Lưu trữ; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính lý, số hóa tài liệu				
10	Đào Văn Sáng	Nhân viên	Kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện, nước trong trung tâm. Chuẩn bị loa, đài phòng họp Trung tâm	12B		83,06	B
	Phòng Nghiệp vụ lưu trữ		149	12B			B
11	Lương Lê Thành	Lưu trữ viên	21	8B,4C		78,08	B
12	Nguyễn Thị Hiếu	Lưu trữ viên	68	4A,8B		88,38	B
13	Nguyễn Thị Hằng	Lưu trữ viên	60	2A,10B		87,08	B

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ gắn với sản phẩm	Kết quả đánh giá các tháng năm 2024	Số lượng đổi mới, sáng tạo, sáng kiến năm 2024	Điểm năm 2024	Xếp loại năm 2024
X	Phòng Công chức, viên chức		1378	2A, 10B	2 đổi mới, sáng tạo; 1 sáng kiến CCS	86,66	B
1	Vũ Trường Giang	Trưởng phòng	25	1A, 8B	1 sáng kiến CCS	85,66	B
2	Phạm Thị Ngoan	Phó trưởng phòng	98	1A, 11B		89,78	B
3	Phạm Văn Tùng	Phó trưởng phòng	168	2A, 9B, 1C	1 đổi mới, sáng tạo	81,62	B
4	Nguyễn Thị Nga	Chuyên viên	33	1A, 5B		83	B
5	Nguyễn Thị Hải Yến	Chuyên viên	413	5A, 7B	1 đổi mới, sáng tạo; 1 sáng kiến CCS	90,13	A
6	Trần Thị Kim Tuyến	Chuyên viên	228	4A, 8B		88,5	B
7	Nguyễn Thị Dương	Chuyên viên	234	3A, 9B		88,9	B
8	Phạm Thị Hà Mi	Chuyên viên	179	1A, 10B, 1C	1 đổi mới, sáng tạo; 1 sáng kiến CCS	85,7	B